

**Biểu mẫu 06***(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)***ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5  
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM****THÔNG BÁO****Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế  
Năm học 2022-2023***Đơn vị: học sinh*

| STT        | Nội dung                                              | Tổng số      | Chia ra theo khối lớp |              |             |             |               |
|------------|-------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|--------------|-------------|-------------|---------------|
|            |                                                       |              | Lớp 1                 | Lớp 2        | Lớp 3       | Lớp 4       | Lớp 5         |
| <b>I</b>   | <b>Tổng số học sinh</b>                               | <b>475</b>   | <b>100</b>            | <b>88</b>    | <b>84</b>   | <b>100</b>  | <b>103</b>    |
| <b>II</b>  | <b>Số học sinh học 2 buổi/n</b>                       | <b>475</b>   | <b>100</b>            | <b>88</b>    | <b>84</b>   | <b>100</b>  | <b>103</b>    |
| <b>III</b> | <b>Số học sinh chia theo học năng lực, phẩm chất.</b> | <b>475</b>   | <b>100</b>            | <b>88</b>    | <b>84</b>   | <b>100</b>  | <b>103</b>    |
| <b>1</b>   | <b>Năng lực</b>                                       | <b>475</b>   | <b>100</b>            | <b>88</b>    | <b>84</b>   | <b>100</b>  | <b>103</b>    |
| <b>1.1</b> | Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                         | 435<br>91,6% | 90<br>90,0%           | 82<br>93,2%  | 65<br>77,4% | 95<br>95,0% | 103<br>100,0% |
| <b>1.2</b> | Đạt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                         | 38<br>8,0%   | 10<br>10,0%           | 4<br>4,5%    | 19<br>22,6% | 5<br>5,0%   | 0<br>0,0%     |
| <b>1.3</b> | Cần cố gắng<br>(tỷ lệ so với tổng số)                 | 2<br>0,4%    | 0<br>0,0%             | 2<br>2,3%    | 0<br>0,0%   | 0<br>0,0%   | 0<br>0,0%     |
| <b>2</b>   | <b>Phẩm chất</b>                                      | <b>475</b>   | <b>100</b>            | <b>88</b>    | <b>84</b>   | <b>100</b>  | <b>103</b>    |
| <b>2.1</b> | Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                         | 455<br>95,8% | 100<br>100,0%         | 88<br>100,0% | 82<br>97,6% | 91<br>91,0% | 94<br>91,3%   |
| <b>2.2</b> | Đạt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                         | 20<br>4,2%   | 0<br>0,0%             | 0<br>0,0%    | 2<br>2,4%   | 9<br>9,0%   | 9<br>8,7%     |
| <b>2.3</b> | Cần cố gắng<br>(tỷ lệ so với tổng số)                 | 0<br>0,0%    | 0<br>0,0%             | 0<br>0,0%    | 0<br>0,0%   | 0<br>0,0%   | 0<br>0,0%     |
| <b>IV</b>  | <b>Số học sinh chia theo kết quả học tập.</b>         | <b>475</b>   | <b>100</b>            | <b>88</b>    | <b>84</b>   | <b>100</b>  | <b>103</b>    |
| <b>1</b>   | Hoàn thành Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)              | 361<br>76,0% | 88<br>88,0%           | 69<br>78,4%  | 60<br>71,4% | 68<br>68,0% | 76<br>73,8%   |
| <b>2</b>   | Hoàn thành                                            | <b>108</b>   | <b>8</b>              | <b>17</b>    | <b>24</b>   | <b>32</b>   | <b>27</b>     |

| STT | Nội dung                                                        | Tổng số      | Chia ra theo khối lớp |             |              |               |               |
|-----|-----------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|-------------|--------------|---------------|---------------|
|     |                                                                 |              | Lớp 1                 | Lớp 2       | Lớp 3        | Lớp 4         | Lớp 5         |
| 2   | (tỷ lệ so với tổng số)                                          | 22,7%        | 8,0%                  | 19,3%       | 28,6%        | 32,0%         | 26,2%         |
| 3   | <i>Chưa Hoàn thành</i><br>(tỷ lệ so với tổng số)                | 6<br>1,3%    | 4<br>4,0%             | 2<br>2,3%   | 0<br>0,0%    | 0<br>0,0%     | 0<br>0,0%     |
| V   | <b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>                                | <b>475</b>   | <b>100</b>            | <b>88</b>   | <b>84</b>    | <b>100</b>    | <b>103</b>    |
| 1   | <i>Lên lớp thẳng</i><br>(tỷ lệ so với tổng số)                  | 469<br>98,7% | 96<br>96,0%           | 86<br>97,7% | 84<br>100,0% | 100<br>100,0% | 103<br>100,0% |
| a   | <u><b>Trong đó:</b></u>                                         |              |                       |             |              |               |               |
|     | Học sinh khen thưởng cấp T<br>(tỷ lệ so với tổng số)            | 361<br>76,0% | 88<br>88,0%           | 69<br>78,4% | 60<br>71,4%  | 68<br>68,0%   | 76<br>73,8%   |
| b   | Học sinh được cấp trên<br>khen thưởng<br>(tỷ lệ so với tổng số) | 0<br>0,0%    |                       |             |              |               |               |
| 2   | <i>Kiểm tra lại</i><br>(tỷ lệ so với tổng số)                   | 6<br>1,3%    | 4<br>4,0%             | 2<br>2,3%   |              |               |               |
| 3   | <i>Ở lại lớp</i><br>(tỷ lệ so với tổng số)                      | 0<br>0,0%    |                       |             |              |               |               |

Quận 5, ngày 02 tháng 6 năm 2023

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên và đóng dấu)

**Phan Thị Yến**